

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Cùng địa chỉ: quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND quận S: Ông Nguyễn Thành N, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND quận S. có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND quận S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S: Ông Phạm Văn T, luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH X tại thành phố Đà Nẵng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ủy ban nhân dân phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm M H, chức vụ: Chủ tịch. vắng có đơn xin xử vắng mặt

*** Người kháng cáo:** Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, Ủy ban nhân dân quận S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình đối thoại và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

Vào tháng 12/2018, gia đình ông bà nhận được Bảng tính giá trị đền bù đề ngày 29/11/2018 từ Ban giải phóng mặt bằng Quận S trong đó áp giá đền bù cho gia đình ông bà như sau: đất trồng cây hàng năm đơn giá 70.000 đồng/m² đối với toàn diện tích 1.212,0 m² tương ứng với số tiền bồi thường đất là 84.840.000 đồng; phần nhà cửa bồi thường 12.607.040 đồng; vật kiến trúc bồi thường 52.797.000 đồng; cây cối hoa màu bồi thường 28.281.000 đồng. Tổng giá trị bồi thường theo Bảng tính trên là 178.525.040 đồng cho toàn bộ 1.212,0m² đất thu hồi và công trình, cây cối trên đất.

Ngày 17/01/2019, gia đình ông, bà nhận được Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông bà là: bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm vị trí 1 đồng bằng cho DT: 1.212 m²; Bồi thường 80% nhà tạm, vật kiến trúc, bồi thường cây cối hoa màu theo QE) 63/2012/QĐ- UBND. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 178.525.040 đồng và không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư.

Đến tháng 01/2019, gia đình ông, bà nhận được Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B với nội dung cụ thể: Thu hồi diện tích 1.212,0 m² đất của gia đình ông, bà với lý do: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B. Tuy nhiên, do không đồng ý với Quyết định này, ngày 25/02/2019, ông bà đã nộp đơn khiếu nại đến UBND Quận S yêu cầu UBND

Quận S thu hồi Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 và giải quyết đền bù thỏa đáng, bồi thường phù hợp với thực tế quá trình tạo lập, sử dụng nhà và đất của gia đình ông, bà theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và được thụ lý giải quyết khiếu nại theo T báo số 35/TB-UBND ngày 04/03/2019.

Ngày 02/04/2019, ông, bà nhận được Quyết định số 1426/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa các Dự án trên địa bàn quận S. Theo Quyết định này, gia đình ông, bà được hỗ trợ thêm: Tiền trượt giá về đền bù nhà, vật kiến trúc, cây cối trên đất thu hồi, hỗ trợ cây cối hoa màu vượt mật độ với số tiền là 39.218.000 đồng, hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí đối với toàn bộ diện tích thu hồi tương đương mức hỗ trợ theo quy định về hỗ trợ đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với số tiền là 383.961.600 đồng; tổng mức hỗ trợ là 423.179.600 đồng.

Ngày 23/05/2019, UBND Quận S ra Quyết định số 2056/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung Đơn khiếu nại của ông bà và giữ nguyên Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND Quận S về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B.

Sau khi vợ chồng ông, bà khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng, trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà mới được biết về Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND Quận S, TP. Đà Nẵng về việc phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật, kiến trúc và cây cối, hoa màu đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện Dự án Khu dân cư B, phường P, Quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong Quyết định này, về tính pháp lý xác định phần diện tích đất thu hồi của gia đình ông bà 1.212 m² là ODT (đất ở đô thị) nhưng mức bồi thường thiệt hại lại bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm, cụ thể: bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm vị trí 1 đồng bằng cho DT: 1.212 m². Bồi thường 80% nhà tạm, vật kiến trúc, bồi thường cây cối hoa màu theo QĐ 63/2012/QĐ-UBND. Ông, bà nhận thấy toàn bộ nội dung tại các Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND Quận S; Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 23/05/2019, Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 và phần nội dung quy định về mức bồi thường thiệt hại tại Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND Quận S; phần nội dung quy định phê duyệt hỗ trợ thêm cho gia đình ông bà tại Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng là trái quy định pháp luật hiện hành và không phù hợp với quy định pháp luật về chính sách giải tỏa, đền bù, tái định cư khi Nhà Nước thu hồi đất nên bằng văn bản này, ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định với nội dung như sau:

I. Đối với Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND Quận S, TP. Đà Nẵng:

Quyết định căn cứ vào cả hai Quyết định 5317/ QĐ-UBND ngày 09/08/2014 và Quyết định 3547/ QĐ-UBND ngày 20/08/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, hai Quyết định này phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 với hai nội dung, mục đích xây dựng Dự án hoàn toàn khác nhau: Quyết định 5317 thì phần đất gia đình ông bà được giải tỏa thuộc Khu đất thương mại dịch vụ của Dự án còn Quyết định 3547 thì phần đất được giải tỏa thuộc Khu đất xây bãi đỗ xe và công viên công cộng. Quyết định 3547 được ban hành sau nhưng không căn cứ vào Quyết định 5317 về phê duyệt tổng quy hoạch chi tiết 1/500 của Khu dân cư B, về mặt hình thức và kỹ thuật ban hành một quyết định hành chính, hai quyết định này được xem là không liên quan hay có mối liên hệ gì với nhau. Quyết định số 175 được ban hành căn cứ vào cả hai Quyết định 5317 và 3547 là không phù hợp, không rõ ràng mục đích thu hồi đất.

Sai thẩm quyền ký Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND. Căn cứ Điều 66 Luật đất đai năm 2013, thẩm quyền thu hồi đất là UBND Quận S, không phải Chủ tịch UBND Quận S. Tuy nhiên, Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 do Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch UBND quận. Ông bà cho rằng, không có cơ sở chứng minh quyền ký thay Chủ tịch của Phó Chủ tịch đối với quyết định này.

Về quy trình ban hành Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND: Gia đình ông bà không nhận được bất kì T báo thu hồi đất nào (sau này khi khởi kiện mới biết việc tồn tại T báo thu hồi đất số 71/TB-UBND ngày 22/07/2015) hay được công bố quy hoạch nào liên quan đến phần diện tích đất 1.212 m² gia đình bị thu hồi theo Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND một cách công khai có đầy đủ các hộ dân nằm trong khu vực Dự án bị giải tỏa. Gia đình ông bà chỉ được biết quy hoạch liên quan phần đất của gia đình khi thực hiện khiếu nại liên tục đến các cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 23/05/2019 của Chủ tịch UBND Quận S, TP. Đà Nẵng:

Quyết định số 2056 khẳng định Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND là đúng quy định. Trong khi ông bà không đồng ý và yêu cầu hủy Quyết định 175 nên vợ chồng ông bà yêu cầu hủy luôn Quyết định giải quyết khiếu nại 2056.

Việc đền bù cho gia đình ông bà không thỏa đáng, không đúng quy định pháp luật và không xem xét một cách toàn diện, khách quan quá trình tạo lập, sử dụng đất ở ổn định và lâu dài của gia đình ông bà từ năm 1963. Cụ thể:

+ Chủ tịch UBND Quận S, TP. Đà Nẵng cho rằng nguồn gốc đất gia đình ông bà là đất nông nghiệp nên chỉ bồi thường theo giá đất nông nghiệp 70.000 đồng/m² là không đúng. Tại T báo thu hồi đất số 71/TB-UBND ngày 22/07/2015

của UBND Quận S và Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND Quận S đều ghi rõ tính pháp lý về loại đất gia đình ông bà đang sử dụng là ODT (đất ở đô thị). Các văn bản này do chính Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và thừa nhận đất của ông bà là đất ở đô thị.

Thêm vào đó, tại các Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 14/04/2011, ngày 26/11/2015 do Trung tâm đo đạc bản đồ Đà Nẵng lập và ngày 10/10/2018 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đà Nẵng lập về pháp lý của thửa đất đều ghi rõ mục đích sử dụng đất của gia đình ông bà là ODT (đất ở đô thị). Bản xác nhận nguồn gốc nhà đất của hộ giải tỏa ngày 15/12/2015, gia đình ông bà khai hiện trạng đất ở đô thị (ODT) và phần xác nhận của UBND Phường P cũng không phủ nhận điều này.

Ngoài ra, nhiều lần gia đình ông bà có đơn (vào các năm 2000, 2005, 2010, ...) và theo sự hướng dẫn của Cơ quan có thẩm quyền gia đình ông bà thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất gia đình đang sử dụng nhưng Cơ quan có thẩm quyền không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do: Đất nằm trong quy hoạch thực hiện Dự án, trong khi gia đình ông bà không được thông tin đầy đủ, chính xác về Dự án thực hiện ngay trên mảnh đất của mình và cũng không rõ thời hạn thực hiện Dự án này theo quy định pháp luật và các văn bản pháp lý liên quan để có cơ sở thực hiện việc xin cấp Giấy chứng nhận.

+ Thực tế, Đà Nẵng hiện nay là đô thị loại 1, thành phố trực thuộc Trung ương lớn thứ ba cả nước. Quá trình đô thị hóa, nhà cao tầng Khu dân cư sầm uất, phường P từ lâu theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của thành phố đã không còn đất nông nghiệp. Vị trí khu đất nhà ông bà xung quanh không hề có đất nông nghiệp và cũng không tồn tại cái B từ lâu (Hình ảnh được đánh số 1, 2, 3, 52, 53). Vị trí tiếp giáp phần đất giải tỏa của gia đình ông bà hiện nay là nhà dân và hai con đường khá rộng. Các hình ảnh được đánh từ số 4 đến 14 cho thấy rõ hiện trạng đường L nối dài qua đường T đã được nối thông, có cống và bó vỉa. Việc nối thông đường L một phần do ông bà đã hiến gần 100m² đất để thông đường và làm cống. Vì vậy một số hộ dân nhờ vậy được ra mặt tiền đường; hộ nhà bà H- ông S, Nhà ông M- bà T, Nhà ông T (Hình ảnh được đánh số 50, 51).

Hơn nữa, hiện trạng toàn bộ phần diện tích đất 1.212 m² đất bị thu hồi, gia đình ông bà từ lâu đã bồi trúc, cải tạo thành đất làm vườn trồng cây cảnh và từ năm 2004 đã đăng ký kinh doanh làm café H viên Minh C, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh từ 13/07/2004 và nộp thuế môn bài đầy đủ.

Hiện trạng hiện nay của khu đất đều làm vườn trồng cây cảnh có giá trị (hình ảnh từ 36 đến 49) và có nhà xây kiên cố (Hình ảnh từ 15 đến 29), móng xi măng cốt thép còn sót lại (hình ảnh từ số 30 đến 35) và một số nhà, vật kiến trúc vẫn hiện hữu. Việc đại diện Ban bồi thường không thừa nhận các Nhà, vật kiến

trúc được xây trên phần đất được thu hồi và cho rằng vẫn là đất nông nghiệp là không đúng hiện trạng và quá trình tạo lập, sử dụng đất của gia đình ông bà.

+ Ngoài ra, cùng một Dự án mà chính quyền giải quyết chế độ, chính sách hoàn toàn khác nhau. Rất nhiều hộ xung quanh được cấp đất tái định cư dù chỉ dành giải tỏa diện tích nhỏ, tuy nhiên gia đình ông bà giải tỏa hơn 1.000 m², trong khu vực sầm uất bậc nhất hiện nay của thành phố, giá đất gần như cao nhất lại chỉ được bồi thường 70.000 đồng/m² là quá vô lý.

Tại P án bố trí tái định cư kèm theo Quyết định số 8642/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng quy định rõ Hộ bị giải tỏa từ 300m² đến nhiều lần hạn mức thì được xem xét bố trí không quá 05 lô đất tái định cư. Tuy nhiên, gia đình ông bà không được lô đất tái định cư nào cả. Trong khi các hộ khác lại được bố trí tái định cư và bồi thường theo giá đất ở.

3. Đối với Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 về nội dung quy định mức bồi thường thiệt hại thuộc Danh sách kèm theo Quyết định 6673 của Chủ tịch UBND Quận S, TP. Đà Nẵng

Ngay trong chính Quyết định này, về tính pháp lý thì xác định phần diện tích đất thu hồi của gia đình ông bà 1.212 m² là ODT (đất ở đô thị) nhưng mức bồi thường thiệt hại lại bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm là không phù hợp.

Nguồn gốc đất gia đình ông bà đúng là đất nông nghiệp nhưng UBND Thành phố đã quy hoạch thành đất ở Khu dân cư từ năm 2005 theo Quyết định số 6167/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết Khu dân cư B Quận S ngày 03/08/2005.

Từ năm 2000, gia đình ông bà đã đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất gia đình đang sử dụng với mục đích sử dụng là đất ở nhưng Cơ quan có thẩm quyền không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do: Đất nằm trong quy hoạch thực hiện Dự án. Nếu không vướng quy hoạch thì theo quy định pháp luật trường hợp đất gia đình ông bà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận là đất ở đô thị lâu dài và thậm chí được tách làm nhiều sổ. Quyết định số 6673, UBND Quận S cứ căn cứ vào nguồn gốc đất nông nghiệp để bồi thường là không phù hợp.

Tại danh sách niêm yết công khai ngày 20/08/2014 của Ủy ban nhân dân Phường P (tài liệu, chứng cứ này do Bên bị kiện cung cấp cho Tòa) xác nhận mục đích sử dụng đất gia đình ông bà là làm nhà ở, trồng cây và đã khẳng định nhà ở từ trước 2004 rồi. Điều này cũng phù hợp với nội dung xác nhận tính pháp lý về loại đất gia đình ông bà đang sử dụng là ODT (đất ở đô thị) tại T báo thu hồi đất số 71/TB-UBND ngày 22/07/2015 của UBND Quận S và Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND Quận S.

Vì vậy, việc Chủ tịch UBND Quận S xác định là đất ODT nhưng phần về mức bồi thường thiệt hại là bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm là không phù hợp và không đúng quy định pháp luật.

4. Đối với Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng:

Vợ chồng ông bà đã trình bày yêu cầu hủy Quyết định số 6673 mức bồi thường không phù hợp với nội dung xác định loại đất ODT và trái quy định pháp luật. Tuy nhiên, Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng lại căn cứ vào Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND Quận S. Do vậy, vợ chồng ông bà cũng yêu cầu hủy Quyết định số 53.

Quyết định số 53 có nội dung không phù hợp tương tự như Quyết định số 6673: Chủ tịch UBND Quận S xác định là đất ODT nhưng phần về mức bồi thường thiệt hại là bồi thường theo giá đất trồng cây hàng năm là không phù hợp và không đúng quy định pháp luật.

5. Đối với một phần Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (Phần nội dung tại mục II.2 liên quan đến hộ gia đình vợ chồng ông bà):

Việc thu hồi đất và bồi thường, trợ cho gia đình ông bà không đúng quy định pháp luật, không đúng với loại đất ODT của gia đình và tại mục II.2 xác định dựa trên Quyết định 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND quận S. Vì vậy, việc hỗ trợ thêm cũng không thỏa đáng và không đúng quy định pháp luật. Ông bà đã trình bày lý do và yêu cầu hủy Quyết định 6673. Vì vậy, ông bà cũng yêu cầu hủy một phần Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (Phần nội dung tại mục II.2 liên quan đến hộ gia đình ông bà).

Ông, bà đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết: Tuyên hủy Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng để ban hành Quyết định khác đúng pháp luật, khách quan hơn, và phù hợp với thực tế; Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 23/05/2019 của Chủ tịch UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng; Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng; Một phần Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch UBND Quận S, Tp. Đà Nẵng (Phần nội dung quy định về mức bồi thường thiệt hại thuộc Danh sách kèm theo Quyết định 6673); Một phần Quyết định 1426/QĐ-UBND ngày 02/04/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng (Phần nội dung tại mục II.2 liên quan đến hộ gia đình ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V),

Theo Văn bản số 288/BC-UBND ngày 22/11/2019, trong các lần đối thoại và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND

quận S, UBND quận S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng trình bày:

- Đối với quyết định thu hồi đất số 175 về thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi đất.

UBND quận S căn cứ thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 66 Luật đất đai năm 2013; Điểm a, Khoản 2, Điều 4 Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 14/3/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng, để ban hành Quyết định 175/QĐ-UBND thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C.

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 175/QĐ-UBND

Trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND của UBND quận S căn cứ vào Điều 69 Luật đất đai 2013 và Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 10 Quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 14/3/2015 của UBND thành phố, cụ thể:

Căn cứ các văn bản theo trình tự thành phố đã ban hành gồm:

Ngày 03/8/2005, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 6167/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết Khu dân cư B, quận S,

Ngày 09/8/2014, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 5317/QĐ-UBND về việc phê duyệt tổng mặt bằng điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 Khu dân cư B, thuộc phường P, quận S.

Ngày 25/9/2014, UBND thành phố Đà Nẵng ban hành T báo số 228/TB-UBND về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B.

UBND quận S ban hành các văn bản theo thẩm quyền để thực hiện các thủ tục trước khi ban hành quyết định thu hồi đất như sau:

Ngày 16/12/2014 UBND quận S ban hành Quyết định số 6210/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng dự án Khu dân cư B tại phường A và phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20/7/2015, UBND quận S đã ban hành T báo thu hồi đất số 71/TB-UBND, theo đó dự kiến thu hồi 1.824,7m² đất (thửa số 84, tờ bản đồ 42) của ông Nguyễn Văn C, tổ 30 phường P, để đầu tư xây dựng hạng mục công trình Khu dân cư B.

Ngày 12/12/2018, Hội đồng Bồi thường thiệt hại và Giải phóng mặt bằng của dự án KDC B đã lập Dự thảo P án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn C.

Ngày 08/01/2019, UBND quận S ban hành Quyết định số 53/QĐ- UBND về việc phê duyệt P án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư B, phường P, quận S. Theo quyết định này, mức bồi thường về đất được xác định là 100% giá đất trồng cây hàng năm vị trí 1 đồng bằng cho diện tích 1.212,0m² đất thu hồi (70.000đ/m²); Bồi thường 80% nhà tạm, vật kiến trúc trên đất thu hồi; Bồi thường cây cối hoa màu theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

Ngày 15/01/2019, UBND quận S ban hành Quyết định số 175/QĐ- UBND về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B.

- Giải thích về việc thời gian ban hành quyết định thu hồi đất là tháng 15/01/2019 nhưng thông báo thu hồi đất lại ban hành ngày 20/7/2015:

Sở dĩ UBND quận S ban hành T báo thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C vào ngày 20/7/2015 (số 71/TB-UBND) nhưng đến ngày 15/01/2019 mới ban hành Quyết định thu hồi đất số 175/QĐ-UBND vì:

Sau khi nhận thông báo thu hồi đất, ngày 07/10/2015 ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị điều chỉnh quy hoạch theo hướng chỉ thu hồi phần đất quy hoạch làm đường, phần còn lại để gia đình được tiếp tục sử dụng. Ngày 27/10/2015, UBND quận S đã ban hành Công văn 1273/UBND-TNMT có nội dung xử lý hồ sơ thu hồi đất của ông Nguyễn Văn C, theo đó các cơ quan liên quan đã tham mưu UBND quận văn bản trình UBND thành phố xem xét điều chỉnh quy hoạch theo hướng không thu hồi diện tích đất làm khu thương mại dịch vụ.

Ngày 25/9/2017, UBND thành phố đã ban hành T báo số 126/TB- UBND về Kết luận của Lãnh đạo thành phố, trong đó có nội dung liên quan đến giải tỏa, đền bù tại dự án Khu dân cư B: *“Thống nhất điều chỉnh khu đất thương mại dịch vụ ký hiệu A thuộc dự án Khu dân cư B theo hướng giữ lại chỉnh trang hộ ông Trương Đình Đức và một phần diện tích hộ ông Nguyễn Văn C ...”* Ngày 20/8/2018, UBND thành phố ban hành Quyết định số 3547/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quy hoạch xây dựng chi tiết tỉ lệ 1:500 Điều chỉnh cục bộ khu đất có ký hiệu A thuộc Khu dân cư B.

Ngày 14/9/2018, UBND phường P phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức công bố công khai Quyết định số 3547/QĐ-UBND đến các hộ giải tỏa trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C và triển khai công tác kiểm đếm theo quy định.

Về xác định loại đất đối với diện tích đất thu hồi là đất nông nghiệp:

a) Về thẩm quyền: Thẩm quyền xác định loại đất của UBND quận được quy định tại Khoản 1, Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của

Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

b) Về xác định loại đất thu hồi là đất nông nghiệp: Việc UBND quận S xác định loại đất của toàn bộ diện tích đất thu hồi nêu tại Quyết định số 175/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B, là đất nông nghiệp dựa trên các căn cứ sau:

- Căn cứ pháp lý: Khoản 2, Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai: *“Trường hợp sử dụng đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất”*; Điều 12 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng Ban hành kèm theo Quyết định số: 63/2012/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của UBND thành phố Đà Nẵng: *“Căn cứ để xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất”*.

Các tài liệu chứng minh loại đất nông nghiệp của thửa đất thu hồi tại hồ sơ giải tỏa:

+ Bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất của hộ giải tỏa do chủ hộ tự khai ngày 15/12/2015 là đất ông bà để lại và giấy tờ chứng minh nguồn gốc là chứng thư kiến điền. UBND phường P xác nhận: *“Đất nông nghiệp của ông bà nội là ông Nguyễn Văn S quản lý sử dụng từ trước năm 1963, chết để lại cho cháu là Nguyễn Văn C tiếp tục sản xuất hoa màu, ông C tiếp tục sử dụng từ 1980 đến nay, ổn định liên tục”*.

- Chứng thư kiến điền do Trưởng Ty Điền địa Nguyễn Kế ký cấp ngày 03/9/1963 cho ông Nguyễn Văn S, loại đất “Ruộng”, diện tích 08 sào.

+ Đơn xin xác nhận (đất làm vườn và nộp thuế nông nghiệp liên lục từ 1975 đến 2002) của ông Nguyễn Văn C viết ngày 22/01/2002, được Chủ tịch UBND phường P ký, đóng dấu xác nhận, kèm theo 01 biên lai thuế đất nông nghiệp ngày 14/11/2000.

+ Đơn xin cải tạo đất của ông Nguyễn Văn C ký ngày 05/12/2003, có Hội Nông dân phường P xác nhận; *“Theo đơn xin cải tạo đất của ông Nguyễn Văn C tại khu đất sản xuất nông nghiệp hiện nay cống thoát nước chảy ra đây làm ngập úng và ô nhiễm. Hội Nông dân đã đến kiểm tra thực tế, nếu không cải tạo thì không sản xuất được quanh năm. Vậy Hội Nông dân phường đề nghị UBND phường xem xét, giải quyết”*.

+ Hồ sơ lưu của Đội kiểm tra quy tắc đô thị quận và UBND phường P về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông Nguyễn Văn C, gồm: các biên bản xử lý công trình xây dựng trái phép do UBND phường P, Đội Kiểm tra quy tắc Đô thị lập ngày 12/9/2005, 14/9/2005, 17/10/2005: *“Ông Nguyễn Văn C xây dựng nhà ở trên thửa đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn S*

(ông cố nội đã chết) tại tổ 30, ... vị trí xây dựng nằm trong vùng quy hoạch chi tiết khu tái định cư B theo Quyết định số 6167/QĐ-UBND ngày 03/8/2005 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ...”.

+ Quyết định số 397/QĐ-XPHC ngày 17/10/2005 của UBND quận S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, Tại điều 1 nêu: “*Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V...Hình thức phạt: cảnh cáo, hình thức xử phạt bổ sung: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, trả lại nguyên hiện trạng ban đầu. Lý do: đã có hành vi vi phạm hành chính: xây dựng nhà ở trong khu quy hoạch...xây dựng nhà trên đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn S (ông cố nội đã chết) để lại tại tổ 30, phường P không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp*”.

+ Sổ mục kê đất đai do UBND phường P cung cấp (thửa 39, tờ bản đồ 44 phường P) kèm trích lục Bản đồ toàn đặc năm 1998 và thì vị trí thửa đất 84, tờ bản đồ 42 phường P là đất hoang mặt nước.

+ Hồ sơ Đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn C do Chi Nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng tại quận S cung cấp, gồm: Danh sách công khai niêm yết trường hợp đề nghị cấp GCNQSD đất tại phường P (đối với thửa đất thu hồi) lập ngày 20/8/2014, nhưng do thửa đất của ông C có một phần nằm trong quy hoạch Khu dân cư B nên ông đã xin rút toàn bộ hồ sơ.

+ Biên bản họp khu dân cư ngày 13/10/2019 để xác định lại nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn C tại thửa đất thu hồi thực hiện dự án Khu dân cư B, xác định: B trước đây là đất mặt nước, rất nhiều hộ cùng trồng rau muống, trong đó có đất nông nghiệp của hộ ông C, sau khi nhà nước làm cống thoát nước, hộ ông C có đổ đất để cải tạo thành vườn trồng cây cảnh, làm lều tạm phục vụ cho việc trồng cây cảnh. Đến cuối 2005 ông C xây dựng nhà trái phép bị xử phạt, ông C không ở trong thửa đất thu hồi mà ở tại nhà riêng trước cổng trường Cao đẳng lương thực.

+ Theo bản vẽ đính kèm Quyết định 3547/QĐ-UBND ngày 20/8/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết TL: 1:500 điều chỉnh cục bộ khu đất có ký hiệu A thuộc KDC B thì diện tích đất thu hồi (1.212,0m²) của hộ ông Nguyễn Văn C không có nhà mà chỉ có lán tạm, dùng để cất dụng cụ sản xuất (mái tôn, vách tôn, sườn gỗ tận dụng, nền bê tông đá dăm).

Từ những căn cứ pháp lý và tài liệu nêu trên, UBND quận S xác định: Toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C tại Quyết định 175/QĐ-UBND là đất nông nghiệp.

- Các chế độ, chính sách đã đền bù, hỗ trợ:

- Về bố trí tái định cư: Không bố trí tái định cư (Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND quận S về phê duyệt phương án bồi thường,

hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa Dự án KDC B). Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 47 về Đối tượng bố trí đất tái định cư và nhà ở chung cư nêu tại quy định ban hành kèm theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Về đền bù, hỗ trợ:

+ Bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm vị trí 1 đồng bằng cho diện tích 1.212,0m² (Quyết định 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của UBND quận S về phê duyệt tính pháp lý về đất), giá đất áp dụng theo Quyết định 50/2014/QĐ-UBND ngày 20/12/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng, mức 70.000đ/m²), thành tiền: 84.840.000 đồng.

+ Bồi thường 80% vật kiến trúc trên đất theo quy định tại khoản 4, Điều 29 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng và bồi thường cây cối hoa màu theo biên bản kiểm kê, bồi thường thiệt hại do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng lập ngày 15/12/2015, biên bản kiểm đếm bồi thường do Ban giải phóng mặt bằng quận S lập ngày 26/11/2018, thành tiền: 93.685.040 đồng.

+ Hỗ trợ trượt giá 20%, thành tiền: 18.700.000 đồng (Quyết định 505/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng).

+ Hỗ trợ cây cối hoa màu vượt mật độ, thành tiền: 39.218.000 đồng (Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng).

+ Hỗ trợ 30% đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư theo Khoản 2, Điều 37 Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012, UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019, thành tiền: 383.961.600 đồng.

Tại văn bản số 3430/UBND-STNMT ngày 27/5/2020 Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng trình bày:

Hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa Khu dân cư B, diện tích đất thu hồi 1.212m²; diện tích còn lại 856,3 m².

Theo bản xác nhận nguồn gốc nhà, đất của hộ ông C do UBND phường P xác nhận ngày 15/12/2015: “Đất nông nghiệp của ông bà nội là ông Nguyễn Văn S quản lý sử dụng từ trước năm 1963, chết để lại cho cháu là Nguyễn Văn C tiếp tục sản xuất hoa màu, ông C tiếp tục sử dụng từ 1980 đến nay, ổn định liên tục”. Chứng thư kiến điền do Trưởng Ty Điền địa Nguyễn Kế ký cấp ngày 03/9/1963 cho ông Nguyễn Văn S, loại đất “Ruộng”, diện tích 08 sào.

Số liệu về thửa đất, diện tích và chủ sử dụng phù hợp với phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất do Trung tâm đo đạc bản đồ Đà Nẵng lập ngày 23/11/2015. Tuy nhiên theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai được xác lập ngày 25/6/2018 thì vị trí thửa đất hiện ông Nguyễn Văn C sử dụng là đất mặt

nước. Theo xác nhận của UBND phường P: Năm 2000 ông C đóng thuế đất nông nghiệp. Hồ sơ lưu liên quan thể hiện: Ngày 04/12/2003, Hội Nông dân phường P xác nhận; “*Theo đơn xin cải tạo đất của ông Nguyễn Văn C tại khu đất sản xuất nông nghiệp hiện nay cống thoát nước chảy ra đây làm ngập úng và ô nhiễm. Hội Nông dân đã đến kiểm tra thực tế, nếu không cải tạo thì không sản xuất được quanh năm. Vậy Hội Nông dân phường đề nghị UBND phường xem xét, giải quyết*”.

Tháng 9/2005, ông Nguyễn Văn C tự ý xây dựng nhà trái phép trên thửa đất, Chủ tịch UBND quận S có Quyết định số 397/QĐ-XPHC ngày 17/10/2005 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V. ...Tại điều 1 nêu: “*Xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt: cảnh cáo, hình thức xử phạt bổ sung: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, trả lại nguyên hiện trạng ban đầu.*

Tuy nhiên đến thời điểm kiểm định ngày 26/11/2018 trên thửa đất vẫn tồn tại 01 nhà tạm (cải tạo từ lán trại dựng để cất dụng cụ sản xuất mái tôn, vách tôn, sườn gỗ tận dụng, nền bê tông đá dăm rộng 23,4m² và 01 chái tôn rộng 25m²).

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định 43 và các tài liệu chứng minh, UBND quận S đã xác định toàn bộ đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C tại quyết định thu hồi là đất nông nghiệp.

Các chế độ, chính sách đền bù: Nội dung như Ủy ban nhân dân quận S đã trình bày.

- Về bố trí tái định cư: Không bố trí tái định cư. Hội đồng bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng căn cứ nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 47 về Đối tượng bố trí đất tái định cư và nhà ở chung cư nêu tại quy định ban hành kèm theo Quyết định 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Ngày 2/4/2019 UBND thành phố ban hành quyết định 1426/QĐ-UBND về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa, hộ ông C được phê duyệt hỗ trợ thêm:

+ Hỗ trợ thêm về đất do diện tích thu hồi lớn và thuộc vị trí trung tâm với số tiền 383.961.900 đồng: Do đó quyết định 1426/QĐ-UBND là đúng quy định, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông C, giữ nguyên quyết định 1426/QĐ-UBND.

Trên cơ sở nội dung vụ án đã xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 29; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32, khoản 2 Điều 116, Điều 193, Điều 206, Điều 211 Luật tổ tụng hành chính; Luật đất đai năm 2003, Luật đất đai năm 2013; Luật quy hoạch đô thị năm 2009.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V về việc yêu cầu tòa án hủy các quyết định số: 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư B; số 2056/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, tổ 34 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; một phần Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa trên đất đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (về nội dung vị trí đất và mức bồi thường thiệt hại); một phần Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa các dự án trên địa bàn quận S (về nội dung giải quyết kiến nghị đối với hộ ông Nguyễn Văn C).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/10/2020, người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng kháng cáo một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hủy các quyết định số: 2056/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, tổ 34 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; một phần Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa trên đất đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (về nội dung vị trí đất và mức bồi thường thiệt hại); Ngày 12/10/2020, Người bị kiện - Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng kháng cáo một phần Bản án hành

chính sơ thẩm số: 22/2020/HC-ST ngày 28/9/ 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc hủy Quyết định số: 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư B để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V về việc hủy các quyết định số: 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư B; số 2056/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, tổ 34 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; một phần Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa trên đất đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (về nội dung vị trí đất và mức bồi thường thiệt hại).

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; Người bị kiện không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; các đương sự không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người bị kiện.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung và căn cứ của kháng cáo; Ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng là người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Ngày 15/01/2019, UBND quận S, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 175/QĐ- UBND thu hồi 1.212,0 m² đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 42 của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Thanh để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ

thuật Khu dân cư B; Ngày 08/01/2019, Chủ tịch UBND quận S, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C là: bồi thường 100% giá đất trồng cây hàng năm vị trí 1 đồng bằng cho DT: 1.212 m²; Bồi thường 80% nhà tạm, vật kiến trúc, bồi thường cây cối hoa màu theo Quyết định số 63/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 178.525.040 đồng và không đủ điều kiện bố trí đất tái định cư. Để thực hiện Quyết định số 53/QĐ-UBND nói trên thì trước đó vào ngày 03/12/2018, Chủ tịch UBND quận S, Tp. Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 6673/QĐ-UBND phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật, kiến trúc và cây cối, hoa màu đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện Dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; ngày 02/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1426/QĐ-UBND phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa các Dự án trên địa bàn quận S. Theo Quyết định này, gia đình ông C được hỗ trợ thêm: Tiền trượt giá về đền bù nhà, vật kiến trúc, cây cối trên đất thu hồi, hỗ trợ cây cối hoa màu vượt mật độ với số tiền là 39.218.000 đồng, hỗ trợ 30% giá đất ở cùng vị trí đối với toàn bộ diện tích thu hồi tương đương mức hỗ trợ theo quy định về hỗ trợ đất nông nghiệp xen lẫn trong khu dân cư với số tiền là 383.961.600 đồng; tổng mức hỗ trợ là 423.179.600 đồng; không đồng ý với các Quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, ông C và bà Thanh khiếu nại; ngày 23/5/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2056/QĐ-UBND, nội dung không chấp nhận Đơn khiếu nại của ông C và bà Thanh, giữ nguyên Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND quận S về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B.

[3]. Xét nội dung kháng cáo liên quan đến các Quyết định nêu trên của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S trong việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Thanh V thì thấy:

[3.1]. Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND quận S về việc thu hồi 1.212,0 m² đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 42 của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Thanh V để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư B là đúng với quy hoạch đã được phê duyệt của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và cũng đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

[3.2]. Về việc xác định loại đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi 1.212,0 m² đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 42 của ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Thanh V (liên quan đến các Quyết định: số 2056/QĐ-UBND ngày 23/5/2019; số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019; Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018). Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa điều trần thể hiện:

- Nguồn gốc diện tích đất ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị Thanh V đang sử dụng và bị thu hồi là của ông Nguyễn Văn S (ông nội của ông C) theo Chứng thư kiến điền do Trưởng Ty Điền địa Nguyễn Kế ký cấp ngày 03/9/1963 cho ông

Nguyễn Văn S, loại đất “Ruộng”, diện tích 08 sào. Trong quá trình sử dụng từ năm 1980 đến nay, ông C có đóng thuế đất nông nghiệp, nhưng không kê khai, đăng ký việc sử dụng đất;

- Theo Sổ mục kê đất đai do UBND phường P cung cấp (thửa 39, tờ bản đồ 44 phường P) kèm trích lục Bản đồ đo đạc năm 1998, vị trí thửa đất 84, tờ bản đồ 42 phường P thì diện tích đất bị thu hồi nằm trong tổng diện tích 7.642,4m² (đất chưa sử dụng) loại đất mặt nước, hoang;

- Theo Đơn xin xác nhận (đất làm vườn và nộp thuế nông nghiệp liên lục từ 1975 đến 2002) của ông Nguyễn Văn C viết ngày 22/01/2002, được Chủ tịch UBND phường P ký, đóng dấu xác nhận, kèm theo 01 biên lai thuế đất nông nghiệp ngày 14/11/2000, thì ông C cũng thừa nhận là diện tích đất đang sử dụng là đất nông nghiệp. Nội dung này cũng phù hợp với Đơn xin cải tạo đất của ông Nguyễn Văn C ký ngày 05/12/2003, có Hội Nông dân phường P xác nhận; *“Theo đơn xin cải tạo đất của ông Nguyễn Văn C tại khu đất sản xuất nông nghiệp hiện nay cống thoát nước chảy ra đây làm ngập úng và ô nhiễm. Hội Nông dân đã đến kiểm tra thực tế, nếu không cải tạo thì không sản xuất được quanh năm. Vậy Hội Nông dân phường đề nghị UBND phường xem xét, giải quyết”* và cũng đúng với Hồ sơ lưu của Đội kiểm tra quy tắc đô thị quận S và Ủy ban nhân dân phường P về xử phạt hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng đối với ông Nguyễn Văn C, gồm: các biên bản xử lý công trình xây dựng trái phép do UBND phường P, Đội Kiểm tra quy tắc Đô thị lập ngày 12/9/2005, 14/9/2005, 17/10/2005: có nội dung: *“Ông Nguyễn Văn C xây dựng nhà ở trên thửa đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn S (ông có nội đã chết) tại tổ 30, ... vị trí xây dựng nằm trong vùng quy hoạch chi tiết khu tái định cư B theo Quyết định số 6167/QĐ-UBND ngày 03/8/2005 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ...”* kèm theo Quyết định số 397/QĐ-XPHC ngày 17/10/2005 của UBND quận S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, Tại điều 1 của Quyết định số 397 nêu trên có nội dung: *“Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V....Hình thức phạt: cảnh cáo, hình thức xử phạt bổ sung: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, trả lại nguyên hiện trạng ban đầu. Lý do: đã có hành vi vi phạm hành chính: xây dựng nhà ở trong khu quy hoạch,..., xây dựng nhà trên đất nông nghiệp của ông Nguyễn Văn S (ông có nội đã chết) để lại tại tổ 30, phường P không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền cấp”*. Từ những căn cứ nêu trên đã thể hiện diện tích đất hộ ông C đang sử dụng từ trước năm 1980 đến ngày có quyết định thu hồi là đất nông nghiệp, việc ông C xây dựng công trình trên đất năm 2005 khi chưa được chuyển đổi mục đích sử dụng đất cũng đã bị xử phạt hành chính nên Ủy ban nhân dân quận S xác định: Toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C tại Quyết định 175/QĐ-UBND là đất nông nghiệp phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định

43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai:

[4]. Trong quá trình thu hồi đất, giải quyết khiếu nại liên quan đến việc thu hồi đất, Ủy ban nhân dân quận S, chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S có những sai sót về thủ tục như Bản án sơ thẩm đã xác định nhưng những sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung thu hồi đất để thực hiện dự án đã được phê duyệt cũng như xác định loại đất để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Đối với Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa các dự án trên địa bàn quận S (về nội dung giải quyết kiến nghị đối với hộ ông Nguyễn Văn C, tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 432.179.600 đồng); sau khi xét xử sơ thẩm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không kháng cáo nhưng Quyết định này có lợi cho hộ ông C nên Hội đồng xét xử không hủy Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[5]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận S và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V về việc yêu cầu tòa án hủy các quyết định số: 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư B; số 2056/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, tổ 34 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; một phần Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa trên đất đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (về nội dung vị trí đất và mức bồi thường thiệt hại); một phần Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa các dự án trên địa bàn quận S (về nội dung giải quyết kiến nghị đối với hộ ông Nguyễn Văn C).

[7]. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm:

[7.1]. Do sửa Bản án hành chính sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện nên ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm

theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Ủy ban nhân dân quận S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[7.2]. Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân quận S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân quận S và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013; khoản 2, Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Thanh V về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định số: 175/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư B; số 2056/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C, tổ 34 phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; số 53/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết đối với hộ ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V thuộc diện giải tỏa dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; một phần Quyết định số 6673/QĐ-UBND ngày 03/12/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân quận S về phê duyệt tính pháp lý về đất, nhà cửa, vật kiến trúc và cây cối hoa trên đất đối với 01 trường hợp diện giải tỏa để thực hiện dự án Khu dân cư B, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng (về nội dung vị trí đất và mức bồi thường thiệt hại); một phần Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt giải quyết kiến nghị đối với các hộ thuộc diện giải tỏa các dự án trên địa bàn quận S (về nội dung giải quyết kiến nghị đối với hộ ông Nguyễn Văn C).

2. Án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

+ Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng

án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 001865 ngày 06/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

+ Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai số 0002726 và số 0002727 ngày 30/10/2020 Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao – Vụ 3;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến